TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/ 2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, về việc "*Ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N sinh năm 1975

Địa chỉ: Số A, tổ 1, ấp C, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Quang T sinh năm 1973

Địa chỉ: Số B, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan Quang T tìm hiểu và yêu nhau được khoảng 2-3 tháng thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/4/2011.

Theo bà N, vợ chồng chỉ chung sống với nhau được khoảng 21 (Hai mươi mốt) ngày thì phát sinh mâu thuẫn và ông T đã về nhà mẹ đẻ của ông T sống từ

khoảng giữa năm 2011 cho đến nay. Nguyên nhân là do sau khi kết hôn, ông T về sống chung với gia đình bà N nhưng giữa ông T và mẹ đẻ của bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn làm cho không khí gia đình luôn nặng nề. Mặt khác, do thời gian hai bên tìm hiểu nhau không nhiều nên cả hai không tìm được tiếng nói chung khi không thể quyết định được nơi sống chung cùng nhau nên hai bên đã quyết định sống ly thân. Từ giữa năm 2011 đến nay, ông T và bà N không liên hệ hay gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn, không ai quan tâm đến ai và mỗi người sống một nơi. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Quang T.

Về con chung: Theo bà Nguyễn Thị Bích N, vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Bà Nguyễn Thị Bích N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Phan Quang T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan Quang T được ly hôn.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn*".

Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan Quang T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/4/2011, căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, bà N và ông T đã không còn sống chung với nhau từ khoảng giữa năm 2011 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; sự việc này mặc dù không được ông T thừa nhận nhưng phù hợp với kết quả xác minh ngày 10/01/2023 tại Ban khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai:*"... Từ cuối năm 2011 đến nay, bà N và ông T không sống chung nhà với nhau, do mâu thuẫn vợ chồng nên ông T đã chuyển về tổ 1, khu phố L, ... sống cùng với mẹ là bà Trần Thị Thu L ..."* và lời khai cùng ngày 10/01/2023 của người làm chứng: *"... vợ chồng ông T xảy ra mâu thuẫn, bất hòa vì vậy ông T đã về sống tại tổ 1, khu phố L, ... từ cuối năm 2011 đến nay. Kể từ cuối năm 2011 đến nay vợ chồng bà N, ông T không sống chung với nhau ..."*. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng ông T đều không đến thể hiện việc ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà N.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Theo bà N, vợ chồng không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí**: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bích N.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan Quang T được ly hôn.

2. *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009102 ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã B, Thành phố L;
  (GCNKH số 27/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang